

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án sơ thẩm thụ số: 04/2024/TLST- KDTM, ngày 25 tháng 11 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (MB). Địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T - Chủ tịch HĐQT;

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Q2 và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1. Địa chỉ: Tầng H, số C L, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D - Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Mạnh Q - Giám đốc vùng Miền Bắc công ty M; Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đăng T1; Ông Nguyễn Mạnh T2 - Chuyên viên xử lý nợ công ty M.

Bị đơn: Bà Dương Thị C, sinh năm 1960, ông Vũ Tuấn C1, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (MB) và bị đơn bà Dương Thị C, ông Vũ Tuấn C1 tự nguyện, thống nhất, thỏa thuận như sau:

a, Bà Dương Thị C và ông Vũ Tuấn C1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền: nợ gốc là 1.175.000,000,đ (một tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và nợ lãi là 115.460.188,đ (một trăm mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn một trăm tám mươi tám đồng) nợ lãi tính đến hết ngày 26/12/2024. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi 1.290.460.188,đ (một tỷ hai trăm chín mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

b, Bà Dương Thị C và ông Vũ Tuấn C1 có nghĩa vụ thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp Đồng cho vay số 941078.23.785.2734361.TD ngày 06/03/2023 và các văn bản tín dụng kèm theo kể từ ngày 27/12/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

c, Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Dương Thị C và ông Vũ Tuấn C1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (MB) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB, các tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số ... tờ bản đồ ... diện tích 120 m², địa chỉ thửa đất; tổ F phường C, thành phố S, mục đích sử dụng; Đất ở tại đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền số BI 503113 do UBND thành phố S cấp ngày 02/08/2012, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 000109/QĐ: 2477 mang tên bà Dương Thị C. Hợp đồng thế chấp số: 31941.16.785.2734361.BĐ ngày 09/06/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/6/2016.

* Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/12/2024. Kết quả đo đạc theo hiện trạng sử dụng. Vị trí thửa đất có tứ cận và ranh giới như sau:

Phái Bắc giáp đất bà C: 5m;

Phía Đông giáp đất bà C: 18,59m;

Phía Nam giáp đất bà N: 6,46m;

Phía Tây giáp đường B: 20m.

Tổng diện tích đất theo hiện trạng 114,8m² giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp là 5,2m² loại đất ở đô thị (diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp 120m²). Theo bản đồ địa chính năm 2013 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 178, thửa số 11, địa chỉ thửa đất tại tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La.

4. Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Dương Thị C và ông Vũ Tuấn C1 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (MB). Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Dương Thị C và ông Vũ Tuấn C1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng MB.

5. Về chi phí xem xét thẩm định: Bà Dương Thị C và ông Vũ Tuấn C2 phải trả 5.990.000,đ (năm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (MB).

6. Về án phí:

- Bà Dương Thị C và ông Vũ Tuấn C1 được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Q1 (MB) tạm ứng án phí đã nộp là 24.210.000,đ (hai mươi tư triệu hai trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số 00002587 ngày 25/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La (2);
- THADS thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Bích Hồng